

TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SAU SUY THOÁI KINH TẾ: TỪ MỘT GÓC NHÌN XÃ HỘI

ĐẶNG NGUYỄN ANH*

Thực tế đã cho thấy có nhiều mô hình tăng trưởng trên thế giới, gắn liền với định hướng phát triển của các nền kinh tế khác nhau. Mô hình *tăng trưởng trì trệ* chú trọng đầu tư vào của cải vật chất mà không đầu tư phát triển con người. Mô hình này có thể đem lại tăng trưởng cao trong ngắn hạn, nhưng sau đó sẽ tuột dốc và khó tăng trưởng trở lại. Mô hình *tăng trưởng thiên lệch*, tuy có chú trọng đến an sinh và phúc lợi xã hội, song vẫn ưu tiên đầu tư vật chất, kinh tế nhiều hơn. Mô hình này nếu kéo dài sẽ dẫn đến sự phát triển méo mó, mất cân đối trong dài hạn. Mô hình *tăng trưởng bền vững* chú trọng đầu tư cân đối, không chỉ kinh tế và chú trọng hơn đến nhân tố con người, cho giáo dục và y-tế, tái tạo nguồn tài nguyên và năng lượng sạch. Tăng trưởng hàng năm có thể không cao, song đảm bảo được sự phát triển bền vững.

Hiện nay, Việt Nam đang nghiêng về mô hình thứ hai, đúng hơn là thiên về mô hình này. Xu hướng này được thể hiện bằng những thành tựu tăng trưởng kinh tế nhanh và liên tục trong nhiều năm qua, với cái giá phải trả khá lớn trong lĩnh vực văn hoá, xã hội và môi trường. Tăng trưởng một phần trăm kinh tế đi liền với nhiều phần trăm suy giảm môi trường sống và gia tăng phân hoá giàu nghèo là điều không ai mong muốn. Có thể thấy kinh tế Việt Nam cơ bản là nền kinh tế gia công và khai thác nguyên liệu thô. Cho đến thời điểm diễn ra cơn bão tài chính toàn cầu, mô hình tăng trưởng của nước ta vẫn dựa trên bốn yếu tố là: khai thác nguồn tài nguyên (than đá, dầu thô, gỗ...), thâm dụng vốn, sử dụng lao động chất lượng thấp và đầu tư lớn cho khu vực doanh nghiệp Nhà nước.

Không có gì khó hiểu khi Quốc hội đặt câu hỏi về tính hiệu quả và sự công bằng trong kỳ họp cuối năm 2009. Sức khỏe của một nền kinh tế không thể chỉ

* PGS.TS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam

đo bằng con số % tăng trưởng, càng không thể dựa trên một khu vực kinh tế được ưu đãi. Đất đô thị, đất chuyên mục tiêu kinh doanh, dầu thô, than, khoáng sản là mục tiêu khai thác của các tập đoàn kinh tế. Trong khi các doanh nghiệp tích cực ưu tiên “kiếm lời” hơn là thực hiện trách nhiệm xã hội như đã cam kết và hứa hẹn, thì nhiều địa phương, đặc biệt chính quyền cấp tỉnh đang hành xử như những “tập đoàn kinh tế” nhằm theo đuổi mục tiêu tăng trưởng và cạnh tranh thu hút đầu tư nước ngoài, coi nhẹ an sinh xã hội của người dân.

An sinh của Việt Nam đòi hỏi phải được cải thiện, từ số giường bệnh, số phòng học cho đến những khoản trợ cấp vùng nghèo, lũ lụt đều cần có những chính sách được thực thi nghiêm túc dưới sự chỉ đạo của Chính phủ. Rõ ràng là tăng trưởng kinh tế chưa tạo tiền đề cho những nền móng xã hội trong cuộc chạy đua trên đường dài của đất nước. Kết quả nghiên cứu của ADB cho thấy tăng trưởng kinh tế không đi đôi với giảm nghèo ở châu Á, mà còn làm tăng lên sự phân hoá giàu - nghèo, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng và suy thoái (ADB, 2010). Mặc dù tăng trưởng kinh tế sẽ giúp cho giáo dục và y tế có thêm kinh phí để phát triển và nâng cao chất lượng bệnh viện, trường học. Tuy nhiên, nếu người dân không có tiền để cho con đi học, không có điều kiện để chi trả những dịch vụ y tế chất lượng cao, thì những thành quả của tăng trưởng kinh tế trở nên ít ý nghĩa.

Sự quan tâm chú ý đến các vấn đề xã hội và sự chia sẻ trách nhiệm trước những thách thức đi liền với tác động của suy thoái kinh tế dường như chưa được chú ý. Từ góc nhìn xã hội, bài viết này xem xét những thách thức đối với mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn phục hồi sau khủng hoảng. Thông qua phân tích tình hình lao động - việc làm và mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam, bài viết nhấn mạnh sự cần thiết hướng đến một mô hình tăng trưởng cân bằng trong giai đoạn phục hồi và phát triển tiếp theo của đất nước, đặc biệt trong một bối cảnh thế giới có nhiều biến động khó lường.

Lao động việc làm - một năm sau cơn bão tài chính

Lao động việc làm trong và sau khủng hoảng luôn là vấn đề nóng đối với mọi quốc gia. Năm 2009, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, GDP của Việt Nam bị giảm sút, nên vấn đề giải quyết việc làm cho 1,7 triệu lao động đã không đạt được mục tiêu đề ra. Từ cuối năm 2008 và trong năm 2009, sự đình trệ và suy thoái của kinh tế thế giới đã có tác động mạnh tới thị trường lao động trong nước, dẫn đến tình trạng mất việc, giảm giờ làm, giảm tiền lương và thu nhập. Tình hình đặc biệt khó khăn diễn ra ở các doanh nghiệp xuất khẩu và nhập khẩu nguyên liệu gia công để tái xuất ra nước ngoài.

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, vào quý IV năm 2009 các doanh nghiệp ở các địa phương có nhu cầu tuyển dụng như Hải Dương, Thái Bình, TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương... đã đón được xu hướng phục hồi và tuyển dụng lao động trở lại. Trên cơ sở đà tăng trưởng trở lại, tỷ lệ người lao động mất việc tìm được việc làm mới tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong quý IV năm 2009 là 80%. Năm 2010 có thể xem là giai đoạn khởi sắc vì các

chính sách thực hiện vào thời kỳ này có ý nghĩa tạo tiền đề cho giai đoạn “tăng tốc” của nền kinh tế sau này. Đây cũng là giải pháp tạo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động, từ đó thúc đẩy tiêu dùng. Tuy nhiên, thị trường thế giới hậu khủng hoảng sẽ trở nên bảo hộ hơn và cạnh tranh quốc tế cũng sẽ ngày càng gay gắt trong 10 năm tới. Xuất khẩu sang các thị trường Mỹ và EU hiện không còn dễ dàng như trước. Quá trình phục hồi chứa đựng những mối lo âu. Cách giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội như trước đây sẽ gặp khó khăn do hạn chế đầu ra và hiệu quả. Số chỗ làm mới có thể tăng lên, song thiếu ổn định, kém chất lượng, trong khi đồng lương không tăng, thậm chí giảm sút trên thực tế.

Để đạt được chỉ tiêu tạo 1,6 triệu việc làm trong năm 2010 cần chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, song song với nâng cao chất lượng việc làm và điều kiện sống cho người lao động. Câu chuyện thị trường lao động sau Tết Nguyên đán biến động do nhiều lao động về quê không quay lại làm việc diễn ra hàng năm, trở thành nỗi ám ảnh đối với nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động phổ thông. Tuy nhiên, tình trạng này phản ánh những khó khăn bất cập của người lao động như điều kiện lao động độc hại, chế độ đãi ngộ kém, bớt xén phúc lợi và bảo hiểm của công nhân...

Gần đây, báo chí đã đăng tải nhiều phóng sự về bữa ăn của công nhân ở các khu công nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn Bình Dương đang chi tiền ăn dưới 10 ngàn đồng/bữa/công nhân, không ít doanh nghiệp chỉ chi 6 ngàn đồng/bữa, trong khi theo thời giá hiện nay, một suất ăn trung bình đủ dinh dưỡng phải mất ít nhất 15-18 nghìn đồng. Do suất cơm phải qua “thầu”, nên khẩu phần bị hao hụt. Tình trạng lương thấp, giá cả tăng, chất lượng bữa ăn hàng ngày, công nhân khiến cho lao động ngày càng “tuột dốc”, sức khoẻ đi xuống một cách nhanh chóng. Đặc biệt vấn đề nhà ở cho công nhân ở các khu công nghiệp luôn là vấn đề bức xúc, khiến cho nhiều người lao động ở các khu công nghiệp chỉ coi đây là nơi tạm bợ, sẵn sàng bỏ việc đi nơi khác hoặc về quê sinh sống. Sự thiếu hụt nhân công tại các khu công nghiệp là điều không mong muốn, song có thể sẽ tạo nên sức ép đối với các doanh nghiệp phải điều chỉnh tiền lương và quan tâm hơn đến phúc lợi của người lao động.

Theo Báo cáo của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP.Hồ Chí Minh, ước tính nhu cầu tuyển dụng lao động sau Tết Canh Dần tại Thành phố là 50.000 nghìn, song đến những ngày sau nghỉ Tết mới chỉ có khoảng 10.000 công việc có được người làm. Ước tính 25%-30% tổng số lao động về quê ăn Tết không trở lại nơi làm việc, khiến cho tình trạng khan hiếm lao động trở nên gay gắt. Tình hình của Hà Nội cũng không sáng sủa, trong phiên giao dịch đầu tiên của sàn việc làm có gần 90 doanh nghiệp tham gia với nhu cầu tuyển 3.500 lao động phổ thông, song thực tế chỉ tuyển được 390 người, ảnh hưởng mạnh đến kế hoạch sản xuất. Hiện nay, do sự thúc ép của các đơn hàng, một số doanh

ngiệp phía Nam đã kiến nghị cho phép nhập khẩu lao động từ Philippin và Lào sang làm việc (và với mức lương thấp như hiện nay, thì lao động nước bạn cũng không mặn mà với công việc).¹

Khi cung cầu lao động chưa khớp nhau thì sẽ trở ngại lớn đối với mục tiêu tăng trưởng. Vấn đề là ở chỗ, không phải người lao động thiếu gắn bó với công việc, mà trước hết là do chính sách tiền lương chưa thoả đáng, khiến cho đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn, khó yên tâm với công việc. Hiện nay, tiền lương công nhân khu chế xuất còn thấp hơn so với người lao động tự do, khiến cho nhiều người không muốn vào làm cho các doanh nghiệp ở các thành phố lớn, chi phí sinh hoạt đắt đỏ, khát khe về thời gian và phải xa quê hương. Mức tăng lương tối thiểu (khoảng 7%) chưa đủ bù đắp được sức lao động nếu so với mức tăng giá tiêu dùng và sinh hoạt. Trái với quy luật tăng giá của mấy năm trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tiếp tục tăng 0,75% so với tháng 2, và tăng 9,5% so với tháng 3/2009, tổng cộng tăng 8,5% so với cùng kỳ 3 tháng đầu năm trước. Trong danh sách tăng giá, hầu hết là các nhóm mặt hàng cốt yếu như xăng hai lần tăng giá 6,5%, nước sinh hoạt tăng 50%, xi măng tăng 10%, giá thép, phân bón 3%-5%,...² Giá cả leo thang không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của từng gia đình, từng người dân, mà còn các mục tiêu kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Các mặt hàng này không chỉ là sản phẩm tiêu dùng của người dân, mà còn là chi phí đầu vào của các ngành sản xuất, dịch vụ trong nền kinh tế.

Những thách thức hiện nay

Báo cáo “Triển vọng kinh tế thế giới” vừa được World Bank (WB) công bố, lưu ý rằng nhu cầu nội địa sẽ là động lực chủ chốt thúc đẩy tăng trưởng tại khu vực châu Á trong giai đoạn phục hồi. Như vậy, kinh tế phục hồi nhanh sẽ dựa trên cơ sở thúc đẩy tiêu dùng trong nước và sức mua của xã hội. Song sức mua khó tăng lên khi mà thu nhập của người lao động còn thấp và do tác động của lạm phát. Thực tế, nước ta cho thấy, 70% dân số ở nông thôn thiếu thu nhập, trong khi 2/3 dân số đô thị (chiếm 30% dân số) là tầng lớp thu nhập trung bình và thấp ở thành phố. Thị trường nội địa bị giới hạn do sức mua kém, nên không dễ dàng phát huy được sức mạnh kinh tế. Đây là những hạn chế có tính thách thức lớn và lâu dài đối với Việt Nam, chứ không chỉ trong giai đoạn phục hồi kinh tế hiện nay.

Thu nhập là một trong những yếu tố then chốt để người lao động có phương tiện đảm bảo sinh kế và phúc lợi của mình. Các cơ hội việc làm mang lại thu nhập ổn định cho người dân là một trong những ràng buộc quan trọng đối với quá trình tăng trưởng vì mục tiêu con người. Hiện nay, phúc lợi của người lao động trong con mắt doanh nghiệp quá đơn giản như: chỗ ở, việc làm, tiền lương,

¹ Ví dụ, Công ty Nidec Tosok (khu công nghiệp Tân Thuận) đã đề nghị được phép tuyển dụng lao động Philippin, Công ty may Three Bambi cũng đề nghị Thành phố được nhập khẩu lao động từ Lào.

² Tỷ lệ lạm phát của Quý 1 năm 2010 đã ở mức 4,1%, nên chỉ tiêu lạm phát do Quốc hội giao (không vượt quá 7%) năm 2010 là rất khó đạt được.

bữa ăn... Song ngay cả những nhu cầu thiết yếu đó cũng chưa được đáp ứng tốt như được thấy qua đời sống công nhân các khu công nghiệp. Người lao động vẫn phải gánh chịu những rủi ro như mất việc, thất nghiệp, đau ốm, tai nạn lao động, an toàn cá nhân. An sinh xã hội của những thành phần dân cư khác cũng hết sức hạn chế. Hầu hết người già không có lương hưu, 2/3 nông dân trong tình trạng “tay làm hàm nhai”, người lao động thiếu việc làm, lại không được trợ cấp, không có bảo hiểm y tế trong khi mạng lưới an toàn xã hội truyền thống dựa trên cơ sở gia đình và cộng đồng đang bị giảm đi nhiều cùng với quá trình đô thị hoá quá nhanh. Trong khi đó, người nông dân phải tự bươn chải, tự làm và phải chịu rủi ro về biến động giá cả, thời tiết và thị trường xuất khẩu thế giới.

Gói kích thích kinh tế năm 2009 của Chính phủ với mục tiêu ưu tiên là kích cầu đầu tư và tiêu dùng, duy trì tốc độ tăng trưởng và hạn chế suy giảm kinh tế, nên tác động đến thị trường lao động và thị trường xuất khẩu hàng hoá không trực tiếp, khiến cho mục tiêu tạo việc làm còn hạn chế. Chi tiêu xã hội chỉ chiếm một phần nhỏ trong gói kích thích này. Trong khi đó, các doanh nghiệp, công ty và tập đoàn quốc doanh từ nhiều năm nay không tạo ra công ăn việc làm. Số vốn đầu tư cho các tập đoàn kinh tế Nhà nước rất lớn, song số việc làm tương ứng của các tập đoàn này tạo ra rất ít, hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp, quản lý chông chéo, phân tán. So với sự đầu tư và ưu đãi mà khu vực quốc doanh nhận được thì quả là một nghịch lý. Theo tính toán, để tăng 1 đồng GDP, khu vực Nhà nước đã phải đầu tư 4,47 đồng năm 2006 và 3,53 đồng năm 2007. Trong khi đó bình quân 3 năm gần đây, để tạo ra 1 đồng GDP, chỉ cần đầu tư khoảng 2,82 đồng nếu tính chung toàn bộ nền kinh tế. Rõ ràng, để tăng trưởng tốt hơn cần nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là các hoạt động đầu tư công.

Phương thức tạo việc làm trong nước năm 2010 và những năm tới ở Việt Nam về cơ bản vẫn theo phương châm xã hội hóa: đó là Nhà nước, xã hội và bản thân người lao động cùng tạo việc làm, giải quyết việc làm. Giải quyết việc làm đối với khu vực nông thôn Việt Nam vẫn là vấn đề lớn, bởi hai lẽ: *Một là* do quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa còn tiếp tục, nên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp vẫn diễn ra, đòi hỏi phải có việc làm mới cho nông dân mất đất; *Hai là*, cần chuyển dịch một số lượng lớn lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đòi hỏi phải tạo ra nhiều việc làm trong các lĩnh vực này. Việt Nam cần xem xét đầu tư cho khu vực dịch vụ để có thể tạo được nhiều việc làm. Đây là nhiệm vụ nặng nề và khó khăn, song không thể không thực hiện.

Trong khi đó, chất lượng nguồn nhân lực đang cản trở sự bứt phá của Việt Nam. Ở các nước phát triển, do đầu tư tốt vào giáo dục, nên yếu tố khoa học công nghệ đóng góp vào tăng trưởng giá trị gia tăng 70-80%, còn Việt Nam mức đóng góp hàm lượng chất xám chỉ 10-15%, nên giá trị hàng hoá vẫn thấp, giá trị thu về cho nền kinh tế còn thấp. Bên cạnh đó, những khó khăn như thiếu kinh nghiệm quản lý và thiếu lao động có tay nghề đang đe dọa sự phát triển bền vững. Một kết quả khảo sát gần đây của Bộ Lao động – Thương binh và

Xã hội cho thấy, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chỉ chiếm khoảng 30% lực lượng lao động. Gần 80% lao động trẻ ở độ tuổi từ 20 - 24 khi tham gia vào thị trường lao động hầu như chưa qua đào tạo nghề chính thức nào.

Những nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện chất lượng chưa cao và chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và nhu cầu tuyển dụng lao động chất lượng cao của doanh nghiệp. Phần đông những nhà tuyển dụng lao động nước ngoài đều gặp khó khăn trong việc tìm kiếm người lao động có những kỹ năng phù hợp với nhu cầu công việc. Chất lượng lao động thực sự thấp khi năng suất lao động xã hội ước tính chỉ đạt xấp xỉ 1600 USD/lao động/năm (thấp hơn nhiều so với mức năng suất bình quân của thế giới là 14.600 USD).

Vì vậy, tăng trưởng kinh tế dựa trên việc mở rộng nguồn vốn con người, tạo ra nhiều việc làm, thu nhập và phúc lợi xã hội đang là mô thức tăng trưởng được ưu tiên lựa chọn trên thế giới. Việc mở rộng các cơ hội việc làm thực sự sẽ là cầu nối quan trọng giữa tăng trưởng với phát triển nguồn nhân lực. Tái cấu trúc nền kinh tế đòi hỏi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua giáo dục, học và dạy nghề phù hợp cho người dân với sự tham gia tích cực của nhiều thành phần kinh tế và đầu tư của Chính phủ.

Vấn đề bảo hiểm thất nghiệp

Vấn đề bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cần được rút ra như một bài học về ban hành và thực thi chính sách. Cách đây hai năm khi làm chính sách BHTN, các nhà quản lý ước tính sẽ có 3-3,5 triệu người lao động tham gia. Tuy nhiên trên thực tế đã có hơn 5,2 triệu người đóng BHTN với số tiền lên đến hơn 3.000 tỷ đồng. Khi kinh tế phát triển bình thường, vẫn có hàng trăm nghìn người thất nghiệp mỗi năm. Trong điều kiện suy thoái kinh tế, vấn đề trở nên trầm trọng hơn và cần được quan tâm nhiều hơn.

Ngay khi thực hiện chính sách BHYT đã có nhiều điểm bất hợp lý cần sửa đổi. Hiện nay khó khăn lớn nhất đối với việc triển khai BHTN là việc lao động thất nghiệp không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp do không có sổ bảo hiểm. Tình trạng doanh nghiệp phá sản, bỏ trốn hoặc nợ thuế vẫn chưa được khắc phục sau khủng hoảng. Doanh nghiệp vi phạm luật mà người lao động lại bị áp dụng chế tài là bất hợp lý vì lỗi không phải do họ. Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hiện có tới 60% doanh nghiệp chậm đóng bảo hiểm xã hội và 30% nợ bảo hiểm xã hội. Nhiều người lao động khi làm thủ tục đăng ký mất việc mới rõ là doanh nghiệp không đóng bất cứ khoản bảo hiểm nào cho họ. Do doanh nghiệp nợ đọng bảo hiểm xã hội đã trên 3 tháng, nên cơ quan bảo hiểm không chốt sổ, làm ảnh hưởng nhiều đến việc nhận trợ cấp thất nghiệp. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, người lao động cũng luôn rơi vào thế yếu về pháp lý, đời sống khó khăn, bức bách. Quyền lợi của người lao động bị vi phạm.

Câu chuyện BHTN cho thấy người dân không thể tự ban hành chính sách cho mình, nhưng bao giờ họ cũng là đối tượng trực tiếp và gánh hậu quả của

một quyết định chính sách. Những bất cập, vướng mắc của BHTN phần lớn liên quan đến doanh nghiệp sử dụng lao động và cơ quan bảo hiểm, và người lao động là nạn nhân. Mặc dù nội dung BHTN bao gồm trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tìm việc làm và chế độ bảo hiểm y tế trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, nhưng cho đến nay nhiều địa phương chưa giải quyết được nhu cầu đào tạo nghề và tạo việc làm. Trong điều kiện đó, BHTN chỉ giải quyết được cái ngọn của tình trạng mất việc, trong khi mục đích của BHTN không chỉ là cứu trợ tạm thời bằng “con cá”, mà phải trang bị “cần câu” cho người lao động.

Kết luận

Bước sang năm 2010, khủng hoảng tài chính còn chưa chấm dứt, các khách hàng lớn trên thế giới còn chưa sẵn sàng tiêu dùng nhiều trở lại, nhập siêu kéo dài, biến động tỷ giá, nguy cơ lạm phát hai con số là khó tránh khỏi. Vấn đề việc làm và những hậu quả xã hội có tầm quan trọng lớn trong ổn định chính trị, giảm đói nghèo và tăng trưởng kinh tế, song phản ứng của các quyết sách trên lĩnh vực này đến nay vẫn chưa thực sự nhanh chóng và đủ mạnh. Những kết quả tích cực đạt được đối với các giải pháp kích cầu của Chính phủ trong thời gian qua, đặc biệt là đối với kích thích hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội cho người nghèo, người có thu nhập thấp, người lao động mất việc làm, v.v.. là rất đáng khích lệ.

Trong giai đoạn phục hồi vốn không diễn ra nhanh chóng, suôn sẻ, mà sẽ còn kéo dài, Việt Nam cần có những đối sách cụ thể và hữu hiệu hơn nhằm tăng cường phúc lợi và thu nhập cho người lao động. Bài học từ khủng hoảng kinh tế cho thấy nếu đặt sản xuất làm trọng tâm tăng trưởng sẽ dẫn đến sự mất thăng bằng của nền kinh tế, và khi bị duy trì trong một thời gian dài sẽ tạo ra bất ổn xã hội và hàng loạt hậu quả khác. Các chỉ tiêu kinh tế trong kế hoạch 5 năm tới của Việt Nam được đặt ra khá lạc quan, và đặc biệt mang tính ưu tiên đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế cho thấy xu hướng chính sách thiên về tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới. Chúng ta đang phấn đấu đạt tỷ lệ tăng trưởng 6,5% trong năm 2010 và 7 - 8%/năm cho giai đoạn 2011 - 2015. Để có thể thực hiện được những mục tiêu đầy kỳ vọng đó, cần có tư duy mới và cách làm mới, và nhất là không lặp lại những sai lầm và lúng túng trong việc ban hành, thực thi chính sách.

Từ một góc nhìn lao động xã hội, bài viết này cho thấy cải thiện phúc lợi dân sinh là điều kiện để tăng trưởng bền vững, bởi tăng trưởng bền vững suy cho cùng cũng nhằm phục vụ cho lợi ích chung của nhân dân. Giai đoạn sau khủng hoảng là cơ hội để tăng đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật, nhà ở, hạ tầng xã hội để kích cầu trong nước, cải thiện dân sinh, đặc biệt đối với nông thôn. Mặc dù có chủ trương đúng, song quá trình tăng trưởng kinh tế chưa khuyến khích mở rộng các cơ hội việc làm cho người dân. Khu vực kinh tế Nhà nước với tư cách là khu vực kinh tế “chủ đạo”, là “quả đấm thép” của nền kinh tế, gặp càng

nhiều thách thức trước tình trạng hiệu quả đầu tư công thấp, thiếu năng lực đảm bảo cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, các dịch vụ công cho người dân. Quan điểm của Ri-các-đô về tăng đầu tư để tăng sản lượng là không hiệu quả trên thực tế.

Trong 10 năm tới, chúng ta cần chuyển hướng mạnh sang mô hình tăng trưởng bền vững, bởi lợi ích mà mô hình này đồng bộ hơn, hiệu quả lâu dài hơn. Tăng chi tiêu công cho việc tạo công ăn việc làm, nhà ở cho người thu nhập thấp,... là các giải pháp để phân phối tốt hơn các thành quả tăng trưởng kinh tế. Để đảm bảo quá trình phục hồi bền vững và cân bằng, Việt Nam không nên đặt trọng tâm tăng trưởng về lượng, mà cần chất lượng, hướng vào mục tiêu chuyển dịch cơ cấu, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tăng sức cạnh tranh. Quá trình tăng trưởng kinh tế tới đây phải tính đến một số các rào cản như khả năng liên kết xã hội còn yếu, mức độ tham gia của dân chúng vào các quyết định của chính quyền, nhất là với các dự án công còn hạn chế.

Việc tái cấu trúc lại cơ cấu sẽ giúp cho nền kinh tế giữ được thăng bằng và tăng sức chịu đựng trước những cú sốc mới, trong đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những “nút thắt” cần được ưu tiên giải quyết. Vấn đề này đòi hỏi những cải cách mạnh mẽ trước hết từ các lĩnh vực giáo dục và sức khỏe. Việt Nam rất cần một hệ thống bảo trợ xã hội trong bối cảnh tăng trưởng có thể tăng chậm trong 2-3 năm tới khi nền kinh tế thế giới chưa thực sự phục hồi. Quá trình này đòi hỏi sự đầu tư cho người lao động, giảm bớt khó khăn và gánh nặng đời sống, làm cho họ yên tâm gắn bó với công việc. Nếu biết đầu tư và đầu tư đúng nhu cầu, đối tượng, nền kinh tế sẽ được hưởng lợi và tăng trưởng từ một hệ thống an sinh xã hội có chất lượng và hiệu quả./.

Tài liệu tham khảo

1. ADB (Asia Development Bank) (2010). *Achieving the MDGs in Asia and the Pacific in the context of the global crisis*. Manila.
2. ILO (International Labour Organization) (2009). *Global Employment Trends report. January 2009*. Geneva.
3. Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) (2010). *Một vài dự báo về kinh tế toàn cầu năm 2010. Tài liệu tham khảo*. Chuyên đề tháng 3/2010.
4. Trần Anh Phương (2008). *Phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam và những tác động chính trị - xã hội*. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Trần Hữu Cường (2008). “*Một số nhân tố tăng cường liên kết giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển con người*” Tạp chí kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 236 tháng 10/2008.
6. WB (World Bank) (2010). *Global Economics Prospects 2010: Crisis, Finance and Growth. World Bank's Development Prospects Group*. 21/2/2010. Washington DC.